

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 478/2024/DS-PT

Ngày 18-9-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và
“Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Ông Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 323/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 443/2024/QĐPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị H** (M), sinh năm 1963; Nơi cư trú: **số nhà H, đường P, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.** (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà **Dương Thị M**, sinh năm 1985; địa chỉ: **F, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.** (văn bản ủy quyền ngày 05-12-2023). (có mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1992; địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.** (văn bản ủy quyền ngày 17-4-2024). (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn An U** (Ngọc T), sinh năm 1984; Nơi cư trú: số nhà E, đường P, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1981; địa chỉ: số A, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 27-3-2024). (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Ngô Thị H**, bị đơn bà **Nguyễn An U**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện bày:

Bà **Nguyễn An U** (N) là hàng xóm gần nhà **Ngô Thị H**, bà **U** có vay tiền và tham gia các phần hụi do bà **H** làm chủ, cụ thể:

Về hụi: Bà **H** làm chủ thảo các dây hụi tháng mở vào ngày 10; 20 và 30; đều là hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/tháng; loại hụi có hoa hồng; mỗi dây gồm 20 phần, bà **U** tham gia 07 phần hụi của 03 dây hụi sau đây; đều đã hốt vào kỳ thứ nhất và đóng được đến hết tháng 8 năm 2023:

Dây hụi 1: Vào ngày 10-7-2022, mở 03 dây hụi. Bà **U** tham gia mỗi dây 01 phần, tổng cộng 03 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự 14 có tên “Trúc (**A**)”. Vào kỳ thứ nhất vào ngày 10-7-2022, bà **U** hốt cả 03 phần, bỏ hụi 2.000.000 đồng, hốt được 456.000.000 đồng, trừ hoa hồng 15.000.000 đồng; bà **H** đã giao số tiền lĩnh hụi là 441.000.000 đồng. Sau đó bà **U** đóng hụi chết được 13 kỳ (đến ngày 10-8-2023) thì ngưng không đóng nữa. Tính đến mãn hụi bà **U** còn nợ hụi chết là 6 kỳ x 3 đầu hụi x 10.000.000 đồng = 180.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Vào ngày 20-12-2022, mở 02 dây hụi. Bà **U** tham gia mỗi dây 02 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự 19, 20 có tên “Ngọc T (**A**)”. Vào kỳ thứ nhất vào ngày 20-12-2022, bà **U** hốt cả 02 phần, bỏ hụi 2.000.000 đồng, hốt được 304.000.000 đồng, trừ hoa hồng 10.000.000 đồng còn 294.000.000 đồng; đã giao tiền lĩnh hụi cho bà **U** là 294.000.000 đồng. Sau đó bà **U** đóng hụi chết được 8 kỳ (đến ngày 20-8-2023) thì ngưng không đóng nữa. Tính đến mãn hụi bà **U** còn nợ 11 kỳ x 2 phần x 10.000.000 đồng = 220.000.000 đồng.

Dây hụi 3: Vào ngày 30-5-2023, mở 01 dây hụi. Bà **U** tham gia 02 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự 9, 10 có tên “Ngọc T (**A**)”. Vào kỳ thứ nhất vào ngày 30-5-2023, bà **U** hốt cả 02 phần, bỏ hụi 2.000.000 đồng, hốt được 304.000.000 đồng, trừ hoa hồng 10.000.000 đồng còn 294.000.000 đồng; do kỳ hụi đầu tiên chỉ hốt được 01 phần nên phần còn lại bà **H** dùng tiền của mình để đưa trước, tổng cộng đã giao tiền lĩnh hụi cho bà **U** 294.000.000 đồng. Sau đó bà **U** đóng được 3 kỳ (đến ngày 30-8-2023) thì ngưng không đóng nữa. Tính đến mãn hụi bà **U** còn nợ 16 kỳ hụi x 2 phần x 10.000.000 đồng = 320.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi, bà **U** nợ số tiền 720.000.000 đồng.

Khi bà **H** mở các dây hụi thì đều giao danh sách hụi cho các hụi viên. Trong các dây hụi mở ngày 10-7-2022; ngày 20-12-2022 và ngày 30-5-2023, có bà **U** tham gia thì các hụi viên trong danh sách hụi đều biết có bà **U** tham gia. Việc bà **U** hốt hụi vào kỳ đầu của dây hụi thì có hụi viên biết, có hụi viên không biết vì có hụi viên hỏi, cũng có người không hỏi “ai hốt”.

Việc giao tiền lĩnh hụi: Khi giao tiền hốt hụi cho các hụi viên thì không làm biên nhận, lý do là các hụi viên đều đã chơi hụi lâu năm, bà **H** rất tin tưởng họ, chỉ giao tiền mà không ký biên nhận. Việc giao tiền hụi và đóng hụi có khi bằng tiền mặt, cũng có khi chuyển khoản.

Cách thức kêu hụi: khi các hụi viên muốn hốt hụi thì gọi điện thoại cho bà **H** để bỏ hụi chứ không đến nhà bốc thăm.

Do đó, bà **H** yêu cầu bà **U** phải trả tổng số tiền hụi là 720.000.000 đồng đối với các dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 10-7-2022, 20-12-2022; 30-5-2023; không yêu cầu tính lãi.

Về hợp đồng vay tài sản:

Bà **H** cho bà **U** vay tiền 06 lần cụ thể:

- + Ngày 05-10-2022, cho vay số tiền 500.000.000 đồng;
- + Ngày 13-10-2022, cho vay số tiền 450.000.000 đồng;
- + Ngày 14-10-2022, cho vay số tiền 500.000.000 đồng;
- + Ngày 21-10-2022, cho vay số tiền 2.700.000.000 đồng;
- + Ngày 28-10-2022, cho vay số tiền 200.000.000 đồng;
- + Ngày 24-11-2022, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng.

Tổng cộng 5.850.000.000 đồng, không thế chấp tài sản. Khi vay tiền, có viết giấy cho vay tiền, có bà **U** ký tên xác nhận. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/1 tháng. Khi vay bà **U** hứa hẹn thời hạn 01 tháng sẽ trả lại tiền gốc và tiền lãi một lần. Khi đến thời hạn trả nợ, bà **U** không trả tiền. Bà **H** điện thoại nhiều lần để yêu cầu trả nhưng bà **U** chỉ hứa hẹn cho đến nay chưa trả gốc và lãi. Nay bà **H** yêu cầu bà **U** trả nợ gốc 5.850.000.000 đồng, tiền lãi 1.66%/tháng từ ngày vay đến khi trả hết nợ. Ngoài ra hai bên còn giao dịch dịch qua lại cho vay để đáo hạn trong thời gian ngắn và đã trả, bà **H** không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn An U và đại diện trình bày:

Về tiền hụi: Bà **U** không tham gia bất kì phần hụi nào của bà **H** nên không chấp nhận yêu cầu đòi tiền hụi 720.000.000 đồng.

Về tiền vay: Bà **U** thừa nhận có ký tên vay 06 lần như bà **H** trình bày nhưng đây là các khoản nợ cũ với lãi suất 6%/tháng; thỏa thuận miệng khi đóng lãi sẽ ghi bằng cụm từ “đóng hụi”, đây là các giấy chốt nợ cũ; bà **U** yêu

cầu khấu trừ 1.914.998.000 đồng tại bút lục 363 (bảng tính 01) do hai bên thống nhất số tiền bà **U** đã chuyển cho bà **H** từ ngày 06-10-2022 đến nay, trừ vào khoản tiền vay 5.850.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0.83%/tháng.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 10-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, phường; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị H (M)** đối với bà **Nguyễn An U (N)** về việc yêu cầu bà **Nguyễn An U** trả tiền hụi 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị H (M)** đối với bà **Nguyễn An U (N)** về việc yêu cầu bà **Nguyễn An U** trả tiền vay gốc là 5.850.000.000 đồng, tiền lãi là 971.100.000 đồng, khấu trừ 599.720.000 đồng; bà **Nguyễn An U** có nghĩa vụ trả cho bà **Ngô Thị H** 6.221.380.000 (sáu tỷ hai trăm hai mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định số 02/QĐ-BPKCTT ngày 23-2-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên để đảm bảo việc thi hành án đến khi có quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp của Tòa án

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:**

Ngày 09-7-2024, bị đơn bà **Nguyễn An U** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị khấu trừ số tiền 1.914.119.988 đồng vào tiền gốc 5.850.000.000 đồng.

Ngày 16-7-2024 bà **Ngô Thị H** kháng cáo: Sơ thẩm xét xử không khách quan, chưa thấu tình đạt lý, yêu cầu chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bà **H** trình bày: Giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu bà **U** trả 720.000.000 đồng tiền hụi, trên cơ sở là căn cứ vào các tin nhắn của bà **H** và **U (Ngọc T)**; Căn cứ vào vi bằng do thừa phát lại lập, căn cứ vào tin nhắn

giữa **U**- **T1** (người làm của bà **H**). Sao kê ngân hàng về chuyển tiền giữa bà **H** và bà **U**.

Đối với tiền vay: Không đồng ý khấu trừ số tiền gốc 599.000.000 đồng vào nợ gốc là không có cơ sở vì đó là tiền giao dịch của các khoản tiền khác, việc khấu trừ số tiền trong sao kê đã đối chiếu vào tiền lãi là không có cơ sở. Yêu cầu căn cứ vào những tin nhắn zalo và vi bằng do thừa phát lại lập.

Bà **M1** trình bày bổ sung: Ngoài ra, bổ sung thêm chứng cứ của nguyên đơn là Bảng tường trình của các hội viên, biên bản lấy lời khai của Tòa đối với các hội viên trong đây hội...

Đại diện theo yêu cầu bị đơn trình bày: Giữ nguyên kháng cáo 01 phần bản án đối với số tiền vay, đề nghị khấu trừ số tiền 1.914.998.000 đồng vào tiền gốc, chỉ đồng ý trả gốc là 3.935.002.000 đồng. Nội dung kháng cáo có phần yêu cầu xem xét điều kiện khởi kiện. Không đồng ý đối với chứng cứ là 02 vi bằng phía nguyên đơn cung cấp vì hiện tại bị đơn không còn sử dụng điện thoại.

Căn cứ vào các lần bà **U** đã chuyển khoản, bà **H** cũng thừa nhận có nhận nhưng cho rằng khoản tiền của giao dịch khác là không có căn cứ.

Trong phần tranh luận các bên đương sự giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đối với tiền hội: Căn cứ danh sách hội viên, sổ hội viên, sao kê, vi bằng... thể hiện bị đơn bà **U** có tham gia hội, đã lĩnh hội và còn nợ hội. Có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà **H** về tiền nợ hội. Đối với kháng cáo về tiền vay là không có căn cứ. Đối với kháng cáo của bị đơn bà **U**: Không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị: Căn khoản 1, 2 khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà **H**; Không chấp nhận kháng cáo của bà **U**. Sửa bản án sơ thẩm..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà **Ngô Thị H**, bị đơn bà **Nguyễn An U** (**Ngọc T**) vắng mặt, đã có người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.1] Về điều kiện khởi kiện: bị đơn còn cho rằng, nguyên đơn không đủ điều kiện khởi kiện vì vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả tiền: Xét thấy, tại BL 94 ngày 29-2-2024 Biên bản hòa giải, bị đơn bà **U** trình bày: “ Trên thực tế thời gian trả các bên thống nhất khi tôi có tiền thì gặp bà **H** trả, lãi suất 1.000.000 đồng / 1 ngày là 2.000 đồng. Sau khi ký nhận nợ thì kể từ ngày 24-11-2022 bà **H** cũng có nhiều lần yêu cầu trả tiền và bà cũng đã thực hiện trả”. Như vậy, phía nguyên đơn có yêu cầu trả tiền, hiện tại bị đơn chưa trả hết tiền. Do đó, nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện theo Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **U** trả số tiền hụi và tiền vay mà các bên đã giao dịch. Bà **U** cho rằng không tham gia chơi hụi nên không nợ. Các bên đương sự có tranh chấp về số tiền trả, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Vay tài sản”, “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 463; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ .

[3] Xét kháng cáo của bà **H** và bà **U**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với việc bị đơn không đồng ý chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp là 02 vi bằng, lý do; bị đơn đã không sử dụng điện thoại nên không biết gì về nội dung tin nhắn zalo trong vi bằng. Xét thấy, qua đối chiếu tài liệu sao kê ngân hàng thể hiện bà **Nguyễn An U**, địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn T, huyện T** có sử dụng số TK 5707205212657 của **Ngân hàng A**, TK 050007280111 của **Ngân hàng S**; TK **ngân hàng A1 (8747)** giao dịch với bà **Ngô Thị H**; Thông qua tài liệu là Bảng kê giao dịch tại **Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh G...** có căn cứ xác định **Nguyễn An U (Ngọc T)** tham gia giao dịch với bà **H** về hụi và tiền vay. Vi bằng được thu thập đúng trình tự thủ tục theo Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã được công khai chứng cứ theo Điều 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nội dung trong vi bằng phù hợp với số TK, số điện thoại mà bị đơn bà **U** sử dụng có căn cứ xác định chứng cứ vi bằng là hợp pháp, có giá trị pháp lý.

[3.2] Về các khoản tiền vay: Các bên trình bày thống nhất số tiền vay nợ gốc là 5.850.000.000 đồng, qua 6 lần vay từ ngày 05-10-2022 đến 24-11-2022. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về số tiền vay phải trả: Bị đơn yêu cầu khấu trừ tiền đã trả theo Bảng tính 01 là 1.914.119.998 đồng. Bị đơn chỉ còn phải trả 3.935.002.000 đồng. Thấy rằng:

Theo Bảng tính 01 ngày 29-5-2024 (BL363) các bên xác nhận thống nhất bà **U** đã chuyển cho bà **H** 17 lần từ ngày 06-10-2022 đến 08-8-2023 với số tiền là 1.914.119.998 đồng có nhiều nội dung chuyển khoản cụ thể: “ *dì năm ngọc trực chuyển khoản bổ sung còn lại*”, “ *dì năm ngọc trực đóng hụi 20/30*” “ *dì năm ngọc trực đóng hụi ngay 10 và 20*”... theo bị đơn trình bày nội dung đóng hụi nhưng thực tế là trả lãi của các khoản tiền vay nhưng phía nguyên đơn không đồng ý và cho rằng đó là tiền hụi và thể hiện rõ hụi của từng dây. Do đó, lời trình bày của

phía bị đơn là không có căn cứ. Không có cơ sở xác toàn bộ số tiền 1.914.119.998 đồng là tiền lãi của 6 khoản tiền vay trên theo lời trình bày của bị đơn và trong số tiền chuyển khoản trên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về khấu trừ số tiền 1.914.119.988 đồng đã trả vào gốc của 6 khoản tiền vay.

[3.4] Theo Bảng tính 01 ngày 29-5-2024 (BL363) trong đó có số tiền 1.100.000.000 đồng là giao dịch vay vào ngày 4-4-2023 (chuyển khoản 3 lần cùng ngày) các bên xác nhận đã giao dịch xong gốc và lãi 1.104.400.000 đồng, không liên quan đến số tiền khởi kiện Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại số tiền 599.720.000 đồng có nội dung giống nhau “đi năm ngọc trúc ck”. Cấp sơ thẩm xác định đây là khoản tiền trả lãi của 6 khoản tiền khởi kiện là có căn cứ. Phía nguyên đơn cho rằng đây là trả tiền lãi cho các khoản tiền khác nhưng không chứng minh được cụ thể là khoản tiền nào. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về tiền vay của nguyên đơn bà H. Xác định số tiền bị đơn phải trả là $5.850.000.000 \text{ đồng} + (935.493.000 \text{ đồng} - 599.720.000 \text{ đồng}) = 6.185.773.000 \text{ đồng}$.

[4] Về tiền góp hụi: Phía bị đơn kháng cáo cho rằng không có tham gia góp hụi và không đồng ý trả, thấy rằng:

Qua Lời khai của các hụi viên tham gia góp hụi, danh sách hụi viên, sổ hụi viên, những tin nhắn giữa bà U với bà H, giữa bà U với ông T1 (người giúp việc cho bà H) đã được thực hiện qua vi bằng số 286 ngày 10-4-2024 và số 318 ngày 17-4-2024, thể hiện thời gian nhắn tin về các lần hốt hụi, thời gian nhắn tin về những lần chuyển tiền hụi, phù hợp với thời gian chuyển tiền...thông qua bảng sao kê giao dịch chuyển tiền của bà Nguyễn An U về những lần chuyển tiền giữa các bên có nội dung thể hiện đóng tiền hụi..... Đến hiện tại đây hụi 10-7-2022 và 20-12-2022 đã kết thúc bà H đã đóng choàng hụi cho bị đơn và đã khởi kiện trước khi kết thúc hụi. Có căn cứ thể hiện bị đơn có tham gia, đã hốt hụi và còn nợ hụi. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H đối với 720.000.000 đồng tương ứng với 3 dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng mở vào các ngày 10-7-2022; 20-12-2022, 30-5-2023.

Từ nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn An U, có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà Ngô Thị H.

Đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn pháp lý.

[5] Về án phí: Bà U phải chịu án phí sơ thẩm trên tổng số 02 khoản tiền bà U phải trả cho bà H và án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền phải chịu án phí: $6.185.000.000 \text{ đồng} + 720.000.000 \text{ đồng} = 6.905.773.000 \text{ đồng}$.

Án phí sơ thẩm: $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \text{ của vượt } 4.000.000.000 \times 2.905.773.000) = 114.905.773 \text{ đồng}$ (Một trăm mười bốn triệu chín trăm lẻ năm ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng)

Nguyên đơn bà **H** đã trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Nguyễn An U (N)**.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà **Ngô Thị H (M)**.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm 38/2024/DSST ngày 02-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị H (M)** đối với bà **Nguyễn An U (Ngọc T)** về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà **Nguyễn An U (Ngọc T)** có nghĩa vụ trả số tiền hội là 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị H (M)** đối với bà **Nguyễn An U (N)** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà **Nguyễn An U (Ngọc T)** có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc và lại tổng cộng là 6.185.773.000 (sáu tỷ một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn) đồng trong đó tiền gốc là 5.850.000.000 đồng, tiền lãi là 335.773.000 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định số 02/QĐ-BPKCTT ngày 27-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn An U phải chịu 114.905.773 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm lẻ năm ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự cho bà H.

5. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn An U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc. Ghi nhận đã nộp theo Biên lai thu số 00005114 ngày 10-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội - Vụ giám đốc kiểm tra. Vụ 2
- TAND Cấp cao
- VKSND Cấp cao
- VKSND tỉnh;
- TAND H Tân Biên.;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Tân Biên;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang

